

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số ~~3423~~ TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 13 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ,
chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở chính trị pháp lý

- Căn cứ điểm c, d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “c) *Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015*”; d) *Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật*;”.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “*Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; ...*”;

- Căn cứ điểm a, c khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật*; c) *Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương*”;

- Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) Hội đồng nhân dân cấp

tỉnh ban hành Nghị quyết đề quy định: *“Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”*.

- Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong đó xác định bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân là nhiệm vụ chính trị hàng đầu, giữ vị trí ưu tiên trong các chiến lược, chính sách phát triển; đồng thời yêu cầu có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện theo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy. Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 200-QĐ/TW ngày 15/6/2026 về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Quy định số 305-QĐ/TU ngày 31/12/2025 quy định công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, tạo cơ sở quan trọng cho việc tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn.

Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai cho thấy một số nội dung chi phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ hiện chưa được quy định cụ thể về chế độ, định mức và cơ chế thực hiện, đặc biệt là các khoản chi phục vụ tổ chức khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ chuyên gia, nhân viên y tế tham gia phục vụ khám sức khỏe, chế độ khám bệnh, chữa bệnh và một số nội dung phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các đối tượng chính sách khác. Điều này dẫn đến khó khăn trong quá trình lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; đồng thời chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, quy định của Trung ương và Tỉnh ủy; tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện; bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

đúng quy định, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh.

II. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích ban hành

- Việc ban hành Nghị quyết nhằm quy định cụ thể về đối tượng áp dụng, nội dung chi và mức chi để thực hiện các chế độ, chính sách về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh; qua đó tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng ngân sách địa phương đúng quy định, bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

- Đồng thời, việc ban hành Nghị quyết góp phần thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ và chính quyền tỉnh đối với cán bộ lãnh đạo qua các thời kỳ và các đối tượng thuộc diện được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; tạo điều kiện bảo đảm sức khỏe để cán bộ tiếp tục đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghị quyết cũng là căn cứ để các cơ quan tài chính, thanh tra, kiểm toán và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Xuất phát từ điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Trị, bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Quy định cụ thể, rõ ràng về nội dung và mức chi, bảo đảm thuận lợi trong áp dụng, quản lý và kiểm tra, giám sát.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết này đã được Sở Y tế tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các văn bản QPPL có liên quan¹. Căn cứ Tờ trình của Sở Y tế và hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy

¹ UBND đã ban hành Công văn số 3036/UBND-KGVX ngày 23/6/2026 báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất tại văn bản số 364/TTHĐND-VHXX ngày 29/6/2026; Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 2553/BC-STP ngày 07/07/2026 thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Sở Tài chính có văn bản số 5185/STC-HCSN ngày 26/6/2026 cho ý kiến về nguồn lực thực hiện dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; trên cơ sở đó, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ thuộc diện thuộc diện được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe theo quy định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết được gồm 09 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

Điều 4. Hỗ trợ khám sức khỏe phục vụ công tác cán bộ

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

Điều 6. Chế độ hỗ trợ khác

Điều 7. Nguyên tắc thực hiện

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Điều 9. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, gồm 04 chế độ, cụ thể:

- Chế độ khám sức khỏe định kỳ;
- Chế độ khám sức khỏe phục vụ công tác cán bộ;
- Chế độ khám bệnh, chữa bệnh;
- Chế độ hỗ trợ khác.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành nghị quyết và thời gian trình thông qua ban hành

1. Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết

- Nguồn lực tài chính: Kinh phí thực hiện Nghị quyết hằng năm dự kiến tối đa là 11.106.125.000 đồng (Bằng chữ: *Mười một tỷ một trăm linh sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn*). Nguồn lực thực hiện đã được Sở Tài chính thống nhất tại Văn bản số 5185/STC-HCSN ngày 26/6/2026.

- Nguồn nhân lực: Sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có của các cơ quan, đơn vị liên quan; không làm phát sinh tổ chức bộ máy hoặc biên chế để thực hiện Nghị quyết.

2. Điều kiện đảm bảo: Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

3. Thời gian dự kiến trình thông qua: Dự kiến trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm (tháng 7 năm 2026), HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS, VHXX, HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Lưu: VT, TH, KGVX. *phs*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Tân

1000-0000
1000-0000
1000-0000
1000-0000

1000-0000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: /2026/NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ diện Trung ương quản lý, cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hiện đang công tác (đương chức) hoặc đã nghỉ hưu (nguyên chức):

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy.

b) Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

c) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

d) Tỉnh ủy viên.

đ) Cấp trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

e) Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; Bí thư Đảng ủy các xã, phường, đặc khu; cấp trưởng các hội Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh (Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

g) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

h) Cấp phó các hội Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

i) Các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện đã nghỉ hưu.

2. Một số đối tượng khác

a) Cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (cán bộ lão thành cách mạng); cán bộ hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 (cán bộ tiền khởi nghĩa); cán bộ hoạt động ở miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ (1954 - 1975) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất trở lên; đảng viên được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng trở lên.

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân; Nghệ sĩ Nhân dân; Thầy thuốc Nhân dân; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.

c) Giáo sư, Phó Giáo sư; cán bộ, công chức, viên chức có mức lương chuyên môn nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A3 hoặc tương đương.

d) Cán bộ nhân viên y tế trực tiếp làm công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tại Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; các thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ

tỉnh; người làm công tác quản lý, tham mưu về công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tại Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Y tế.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

1. Chi phí khám sức khỏe định kỳ

a) Đối với các đối tượng quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

Chi phí khám sức khỏe: thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW ngày 15/6/2026 của Ban Bí thư về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Hỗ trợ các chi phí phục vụ khám sức khỏe định kỳ ngoại tỉnh tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu, gồm: tiền ăn, tiền lưu trú và chi phí đi lại; mức hỗ trợ theo chi phí thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng tối đa: 8.000.000 đồng/người/lần khám.

Trường hợp cán bộ già yếu, không bảo đảm sức khỏe hoặc vì lý do bất khả kháng không thể thực hiện khám sức khỏe định kỳ tại cơ sở khám sức khỏe theo quy định thì được tổ chức khám sức khỏe tại tỉnh. Trường hợp cần thiết phải mời chuyên gia, bác sĩ, nhân viên y tế của bệnh viện công lập cấp chuyên sâu về tỉnh thực hiện khám sức khỏe thì được hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang áp dụng tại bệnh viện công lập cấp chuyên sâu được mời thực hiện khám sức khỏe (mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu); Tiền ăn, tiền lưu trú và chi phí đi lại của chuyên gia, bác sĩ, nhân viên y tế theo chi phí thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng tối đa: 5.000.000 đồng/người/lần khám.

b) Đối với các đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 và Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này:

Chi phí khám sức khỏe: hỗ trợ 100% theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang áp dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu);

Chi phí phục vụ chuyên môn trong quá trình khám sức khỏe, gồm: Nước uống, suất ăn nhẹ trong thời gian chờ khám, lấy mẫu xét nghiệm hoặc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo chi phí thực tế nhưng tối đa: 50.000 đồng/người/lần khám; Chi phí lập hồ sơ khám sức khỏe theo chi phí thực tế nhưng tối đa: 25.000 đồng/người/bộ hồ sơ/lần khám.

2. Hỗ trợ thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe sau khám sức khỏe định kỳ:

a) Nội dung và mức hỗ trợ: hỗ trợ thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe để phục vụ chăm sóc, điều trị sau khám sức khỏe định kỳ, trên cơ sở kết quả khám sức khỏe và chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền, cụ thể:

Đối tượng quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 3.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 02 lần/năm.

Đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 2.500.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại Điểm d và đ Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 2.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại Điểm e, g, h và i Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 1.500.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

Đối tượng quy định tại Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: tối đa 1.000.000 đồng/người/lần khám, không quá 01 lần/năm.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật.

Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tổ chức mua sắm, cấp phát thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Đối với các đối tượng quy định tại Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này, việc mua sắm, cấp phát thuốc điều trị và thực phẩm bảo vệ sức khỏe do cơ quan, đơn vị được giao thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ ở cấp xã theo quy định của cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hỗ trợ khám sức khỏe phục vụ công tác cán bộ

Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe cho cán bộ trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu ứng cử, tái cử các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Chi phí khám sức khỏe và chi phí phục vụ chuyên môn thực hiện theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Đối với đối tượng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW của Ban Bí thư.

2. Đối với các đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 và Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: Hỗ trợ 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm Y tế khi khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cán bộ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã, cụ thể:

a) Tối đa 1.500.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Tối đa 1.000.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng quy định tại Điểm e, g, h và i Khoản 1 và Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ khác

1. Chế độ phòng bệnh:

a) Đối với đối tượng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: thực hiện theo Quy định số 200-QĐ/TW của Ban Bí thư.

b) Hỗ trợ tiêm vắc xin phòng cúm mùa hằng năm đối với các đối tượng quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này trên cơ sở đánh giá tình trạng sức khỏe và chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

Trung tâm Khám bệnh, chữa bệnh và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tổ chức tiêm chủng hoặc ký hợp đồng với cơ sở y tế đủ điều kiện theo quy định để thực hiện tiêm chủng. Kinh phí thanh toán theo chi phí thực tế trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

2. Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh:

Đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quyết định hoặc phân công của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 7. Nguyên tắc thực hiện

1. Trường hợp cán bộ đồng thời giữ nhiều chức danh, chức vụ thì thực hiện chế độ, chính sách theo chức danh, chức vụ cao nhất.

2. Trường hợp đang hưởng chế độ mà bị khai trừ khỏi Đảng, bị buộc thôi việc hoặc bị Tòa án kết án phạt tù thì chấm dứt hưởng chế độ kể từ ngày quyết định kỷ luật hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Trường hợp quy định về chức danh, chức vụ cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trường hợp văn bản dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản mới.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chi thanh toán theo chi phí thực tế phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật; các khoản hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết này được thực hiện trên cơ sở danh sách và chứng từ chi trả theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Y tế, Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ TP;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang